UBND TỈNH TUYÊN QUANG **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 154 /BC-STP	*Tuyên Quang, ngày 27 tháng 07năm 2021*

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 977/SLĐTBXH-LĐ ngày 24/7/2021 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội về việc đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định hỗ trợ lao động tự do gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 *(dự thảo Quyết định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ)*. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP)*; Nghị định số 154/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật *(sau đây viết tắt là Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)*;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 *(sau đây viết tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP)*;

- Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 *(sau đây viết tắt là Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg)*.

- Một số văn bản, tài liệu khác có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH *(Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)*

1. Tên dự thảo Quyết định: *"Về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ"*.

Đề nghị chỉnh sửa thành *"Quy định hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng lao động đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"* cho phù hợp với quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP:*"12. Đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác: Căn cứ điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương, các tỉnh, thành phố xây dựng tiêu chí, xác định đối tượng, mức tiền hỗ trợ nhưng mức hỗ trợ không thấp hơn 1.500.000 đồng/người/lần hoặc 50.000 đồng/người/ngày căn cứ theo thực tế số ngày tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của địa phương"* và thống nhất với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quyết định.

2. Căn cứ ban hành, đề nghị bổ sung căn cứ *"Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020"*.

3. Điều 1

3.1. Khoản 1 (Phạm vi điều chỉnh) quy định: *"Quyết định này quy định đối tượng, điều kiện, thời gian, mức tiền hỗ trợ người lao động không có giao kết hợp đồng lao động và một số đối tượng đặc thù khác gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"*.

Tuy nhiên, nội dung dự thảo Quyết định còn quy định nguyên tắc, phương thức, nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ, đề nghị chỉnh sửa cho thống nhất; đồng thời, bổ sung cụm từ *"(lao động tự do)"* vào sau cụm từ *"không có giao kết hợp đồng lao động"*.

3.2. Khoản 2 (Đối tượng và điều kiện hỗ trợ)

a) Vấn đề chung: Tên khoản 2: *"Đối tượng và điều kiện hỗ trợ"*, nhưng nội dung khoản 2 chưa cụ thể quy định nào là điều kiện hỗ trợ, đề nghị tách riêng 2 nội dung: (1) Đối tượng hỗ trợ; (2) Điều kiện hỗ trợ.

b) Điểm đ quy định: *"Tự làm hoặc làm việc trong lĩnh vực: Ăn uống, cơ sở làm đẹp (cắt - uốn tóc, nail, gội đầu), cơ sở massage, xông hơi, bấm huyệt tẩm quất, khu vui chơi, giải trí; các cơ sở hoạt động, kinh doanh dịch vụ văn hóa, thể thao (karaoke, vũ trường, rạp chiếu phim, điểm kinh doanh trò chơi điện tử, quảng cáo, biểu diễn nghệ thuật, tổ chức sự kiện, phòng tập Gym, Aerobic, Yoga, bể bơi, sân tập thể thao,...; các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, lữ hành, kinh doanh vận chuyển khách du lịch"*.

Đề nghị chỉnh sửa, sử dụng thống nhất một cụm từ *"lĩnh vực"* hoặc *"cơ sở"*.

3.3. Khoản 3 (Mức, thời gian, nguyên tắc và phương thức hỗ trợ)

a) Điểm c quy định: *"Nguyên tắc hỗ trợ: Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không trùng đối tượng, không để lợi dụng, trục lợi chính sách"*.

Quy định nguyên tắc hỗ trợ chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP:

"2. Nguyên tắc:

a) Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

b) Xây dựng các tiêu chí, điều kiện thuận lợi để người lao động và người sử dụng lao động dễ dàng tiếp cận chính sách.

c) Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các chính sách và nguồn lực để thực hiện. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ. Người lao động được hỗ trợ một lần bằng tiền (trừ các đối tượng hưởng chính sách bổ sung quy định tại điểm 7, điểm 8 mục II Nghị quyết này) chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

d) Phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành, địa phương, căn cứ vào điều kiện cụ thể để linh hoạt triển khai, đảm bảo mục tiêu, nguyên tắc và kịp thời các chính sách hỗ trợ.

đ) Việc hỗ trợ ngân sách nhà nước thực hiện như sau:

Các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương trên 60% tự bảo đảm kinh phí thực hiện.

Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương còn lại theo nguyên tắc:

- 80% mức thực chi theo quy định tại Nghị quyết này đối với các tỉnh miền núi, Tây Nguyên.

- 60% mức thực chi theo quy định tại Nghị quyết này đối với các tỉnh chưa tự cân đối ngân sách còn lại (ngoài các tỉnh miền núi, Tây Nguyên).

- 40% mức thực chi theo quy định tại Nghị quyết này đối với các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết các khoản thu phân chia về ngân sách trung ương còn lại.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ động sử dụng 50% nguồn dự phòng ngân sách địa phương (bao gồm cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã) và 70% quỹ dự trữ tài chính địa phương, nguồn cải cách tiền lương còn dư để thực hiện theo các nguyên tắc, chế độ hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này".

Đề nghị nghiên cứu, bổ sung.

b) Điểm d quy định: *"Phương thức hỗ trợ: Chi trả trực tiếp hoặc qua chuyển khoản".*

Quy định nêu trên chưa bảo đảm chặt chẽ, cụ thể trong trường hợp nào thì chi trả trực tiếp, trường hợp nào thì chuyển khoản, đề nghị chỉnh sửa theo hướng đối tượng có tài khoản ngân hàng thì hỗ trợ thông qua phương thức chuyển khoản, còn đối tượng không có tài khoản ngân hàng thì hỗ trợ bằng tiền mặt để tránh tiếp xúc trực tiếp nhằm phòng chống dịch bệnh và phát sinh tiêu cực trong quá trình tổ chức thực hiện.

3.4. Tên khoản 4: *"Kinh phí thực hiện"*, đề nghị chỉnh sửa thành *"Nguồn kinh phí thực hiện".*

3.5. Khoản 5 (Trình tự, thủ tục thực hiện)

Khoản 5 quy định về trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ, đây là thủ tục hành chính, việc quy định thủ tục hành chính vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(được sửa đổi, bổ sung năm 2020): "Những hành vi bị nghiêm cấm: ...4. Quy định thủ tục hành chính trong thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao hoặc trường hợp cần thiết phải quy định thủ tục hành chính trong nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 của Luật này".*

Do đó, đề nghị không quy định thủ tục hành chính tại dự thảo Quyết định mà dẫn chiếu thực hiện theo trình tự, thủ tục hỗ trợ tương tự quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

4. Điều 3 quy định:

"Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này".

Đề nghị chỉnh sửa cụm từ *"Giám đốc Sở, ban, ngành"* thành *"Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh"*; đồng thời bổ sung Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành dự thảo Quyết định.

5. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại toàn bộ dự thảo Quyết định để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày của văn bản cho phù hợp với quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 18 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP)*; thứ tự các điểm trong mỗi khoản dùng chữ cái tiếng Việt theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt; bổ sung cụm từ *"(thi hành)"*sau địa chỉ nơi nhận *"Như Điều 3"*; .v.v...

6. Vấn đề khác, dự thảo Quyết định chưa quy định về đối tượng áp dụng của dự thảo Quyết định, đề nghị bổ sung một Điều quy định về đối tượng áp dụng, bố trí sau Điều quy định về phạm vi điều chỉnh.

III. KẾT LUẬN

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Mục II Báo cáo thẩm định này; đồng thời rà soát lại toàn bộ nội dung dự thảo văn bản để chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo văn bản cho phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Sau khi hoàn chỉnh theo khoản 1 Mục III Báo cáo này, dự thảo văn bản đủ điều kiện trình UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm 12 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Giám đốc STP;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.

(Lan.06b điện tử)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Thị Thược